

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực phòng bệnh quy định tại Thông tư số 51/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điều

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017, Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Thông tư số 04/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN;

Căn cứ Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về phân định, phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực phòng bệnh;

Căn cứ Thông tư số 51/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điều;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng bệnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 01 (một) thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực phòng bệnh quy định tại Thông tư số 51/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điều (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Đối với hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Bãi bỏ danh mục và nội dung của thủ tục hành chính (Mã TTHC: 1.013894) tại Quyết định này đã được công bố tại Quyết định số 2093/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới và bị bãi bỏ lĩnh vực phòng bệnh quy định tại Nghị định 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế và Thông tư 19/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về phân định, phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực phòng bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng bệnh, Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia, Thủ trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Văn phòng Bộ (VPB6);
- Lưu: VT, PB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Liên Hương

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT, ngày tháng năm 2026 của Bộ Y tế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục 02 (hai) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.013896	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	Thông tư số 51/2025/TT-BYT	Phòng bệnh	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND cấp tỉnh
2	1.013898	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	Thông tư số 51/2025/TT-BYT	Phòng bệnh	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND cấp tỉnh

2. Danh mục 01 (một) thủ tục hành chính bãi bỏ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	Thông tư số 51/2025/TT-BYT	Phòng bệnh	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá (Mã TTHC: 1.013896)

Trình tự thực hiện	Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ công bố hợp quy đối với thuốc lá điều đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh hoặc nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn theo quy định; đồng thời lưu 01 bộ hồ sơ tại tổ chức, cá nhân để phục vụ kiểm tra, hậu kiểm. Bước 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận có văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hoặc trả lại hồ sơ, nêu rõ lý do. Quá thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận gửi văn bản yêu cầu mà tổ chức, cá nhân không bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định thì cơ quan tiếp nhận dừng/hủy xử lý hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan tiếp nhận kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ; đối chiếu sản phẩm thuốc lá điều với QCVN 16-1:2025/BYT và quy định về công bố hợp quy; lập dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy hoặc văn bản không tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo cơ quan tiếp nhận xem xét, ký ban hành. Bước 3. Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét, ký ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy; trường hợp không tiếp nhận hồ sơ thì ký văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Bước 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phát hành, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phương thức đã đăng ký; đồng thời cập nhật, công khai tình trạng giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần hồ sơ	1) Bản công bố hợp quy theo Mẫu 2. CBHC/HQ tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN. 2) Bản sao hoặc bản điện tử giấy tờ chứng minh việc thực hiện sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp). 3) Bản sao hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định cấp, kèm mẫu dấu hợp quy và tài liệu kỹ thuật liên quan. 4) Các tài liệu kỹ thuật có liên quan chứng minh sự phù hợp với QCVN 16-1:2025/BYT.
Số lượng hồ sơ	02 bộ, trong đó 01 bộ nộp cho cơ quan tiếp nhận và 01 bộ lưu tại tổ chức, cá nhân. Trường hợp thực hiện trên môi trường điện tử thì thành phần hồ sơ điện tử được nộp 01 lần trên hệ thống.

Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc lá điều.
Cơ quan giải quyết	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy theo Mẫu 3. TBTNHS tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN hoặc văn bản thông báo không tiếp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do.
Phí, lệ phí	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu 2. Bản công bố hợp quy tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; Mẫu 3. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN. Biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) thực hiện theo hệ thống cung cấp dịch vụ công.
Yêu cầu, điều kiện	Sản phẩm thuốc lá điều phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của QCVN 16-1:2025/BYT; việc chứng nhận hợp quy và thử nghiệm phải thực hiện theo phương thức, tổ chức và phạm vi được phép theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp.
Căn cứ pháp lý	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012; - Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017; Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020; Thông tư số 04/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá; - Thông tư số 51/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điều;

2. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) (Mã TTHC: 1.013898)

Trình tự thực hiện	Bước 1. Tổ chức, cá nhân tự đánh giá sự phù hợp của sản phẩm thuốc lá điều với QCVN 16-1:2025/BYT trên cơ sở kết quả thử nghiệm mẫu và hệ thống kiểm soát chất lượng; nộp 01 bộ hồ sơ công bố hợp quy đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và lưu 01 bộ hồ sơ tại tổ chức, cá nhân. Bước 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận có văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hoặc trả lại hồ sơ, nêu rõ lý do. Quá thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận gửi văn bản yêu cầu mà tổ chức, cá nhân không bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định thì cơ quan tiếp nhận dừng/hủy xử lý hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan tiếp nhận kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ; đối chiếu báo cáo đánh giá hợp quy, kết quả thử nghiệm, kế hoạch kiểm soát chất lượng và các tài liệu kỹ thuật với QCVN 16-1:2025/BYT; lập dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy hoặc văn bản không tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo cơ quan tiếp nhận xem xét, ký ban hành. Bước 3. Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét, ký ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy; trường hợp không tiếp nhận hồ sơ thì ký văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Bước 4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phát hành, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phương thức đã đăng ký; đồng thời cập nhật, công khai tình trạng giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần hồ sơ	1) Bản công bố hợp quy theo Mẫu 2. CBHC/HQ tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN. 2) Bản sao hoặc bản điện tử giấy tờ chứng minh việc thực hiện sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp). 3) Bản sao hoặc bản điện tử Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong thời hạn theo quy định. 4) Báo cáo đánh giá hợp quy theo Mẫu 5. BCĐG tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, kèm mẫu dấu hợp quy và tài liệu kỹ thuật có liên quan. 5) Quy trình sản xuất kèm kế hoạch kiểm soát chất lượng và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý trong trường hợp chưa được chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp; hoặc bản sao giấy chứng nhận hệ thống quản lý còn hiệu lực trong trường hợp đã được chứng nhận. 6) Các tài liệu kỹ thuật có liên quan chứng minh sự phù hợp với QCVN 16-1:2025/BYT.
Số lượng hồ sơ	02 bộ, trong đó 01 bộ nộp cho cơ quan tiếp nhận và 01 bộ lưu tại tổ chức, cá nhân. Trường hợp thực hiện trên môi trường điện tử thì thành phần hồ sơ điện tử được nộp 01 lần trên hệ thống.

Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc lá điều.
Cơ quan giải quyết	Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy theo Mẫu 3. TBTNHS tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN hoặc văn bản thông báo không tiếp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do.
Phí, lệ phí	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu 1. Kế hoạch kiểm soát chất lượng tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; Mẫu 2. Bản công bố hợp quy tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; Mẫu 3. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; Mẫu 5. Báo cáo đánh giá hợp quy quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; Biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) thực hiện theo hệ thống cung cấp dịch vụ công.
Yêu cầu, điều kiện	Sản phẩm thuốc lá điều phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của QCVN 16-1:2025/BYT; việc thử nghiệm phục vụ tự đánh giá phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025, có phạm vi phù hợp với QCVN 16-1:2025/BYT; tổ chức, cá nhân phải duy trì điều kiện bảo đảm chất lượng trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu.
Căn cứ pháp lý	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012; - Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017; Thông tư số 04/2020/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2020; Thông tư số 04/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá; - Thông tư số 51/2025/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điều;

Mẫu 1. Kế hoạch kiểm soát chất lượng tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN;

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm/hàng hóa:

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu giám sát/ kiểm soát	Tiêu chuẩn/ quy chuẩn kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/ cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày tháng năm

Đại diện tổ chức

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2. Bản công bố hợp quy tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail

CÔNG BỐ:

Sản phẩm (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)

.....

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....

.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):

.....

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm, hàng hóa)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác..

....., ngày thángnăm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu 3. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy quy định tại Phụ lục III
Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN;**

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN TIẾP NHẬN
CÔNG BỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-.....

....., ngày ... tháng năm

THÔNG BÁO

TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

..... (*Tên cơ quan tiếp nhận công bố*) xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy số ngày tháng năm của:.....(*tên tổ chức, cá nhân*)địa chỉ tổ chức, cá nhân:.....

cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật...*):

phù hợp tiêu chuẩn (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi tiêu chuẩn*)/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi quy chuẩn kỹ thuật*) và có giá trị đến ngày tháng năm (hoặc ghi: có giá trị 3 năm kể từ ngày tháng năm).

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của tổ chức, cá nhân. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

(*Tên tổ chức, cá nhân*) phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo);
- Lưu: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

**Đại diện có thẩm quyền của
Cơ quan tiếp nhận công bố**
(*ký tên, chức vụ, đóng dấu*)

Mẫu 5. Báo cáo đánh giá hợp quy quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. Ngày đánh giá:.....
2. Địa điểm đánh giá:.....
3. Tên sản phẩm:.....
4. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:.....
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:.....
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:.....
.....
.....
.....
.....
7. Các nội dung khác (nếu có):.....
8. Kết luận:
☐ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.
☐ Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)